

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA KỲ**

Số: 36/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Nghĩa Kỳ, ngày 26 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh
theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGHĨA KỲ
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Xét tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã Nghĩa Kỳ về việc điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của UBND xã, Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, như sau: (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đạt hiệu quả cao.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Nghĩa Kỳ thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận :

- TT HĐND-UBND huyện;
- TT Đảng ủy; TT. HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMT, các hội đoàn thể xã;
- Các ban ngành ở xã;
- ĐB HĐND xã;
- Lưu: VT. HĐND.



Vũ Thị Thu Liên





BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Nghĩa Kỳ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2023	CHỈ TIÊU CẢ NHIỆM KỶ		Số liệu xin điều chỉnh đến năm 2025	Ghi chú
				CHỈ TIÊU NHIỆM KỶ	ƯTH		
1	2	3	4	5	6	8=6/5	9
A	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	48,4	65-70	50-55	50-55	
B	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
I	Giá trị sản xuất		658	790	685	685	
II	Nông nghiệp						
1	Trồng trọt						
	- Sản lượng lương thực	Tấn	8.249	9.135	8.249	8.249	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	7.009	7.926	7.009	7.009	
	+ Ngô	Tấn	1.240	1.209	1.240	1.240	
2	Chăn nuôi	Con	34.226	42.700	34.162	34.162	
	- Đàn trâu	Con	1012	1.120	1012	1012	
	- Đàn bò	Con	5.764	6.500	5.700	5.700	
	Tỷ trọng Bò lai	%	95		95		
	- Đàn heo	Con	27.450	35.000	27.450	27.450	
V	Nông thôn mới						
1	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu		1	7/9	1	2/9	

